

Số: **1007** /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **23** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa” (trữ lượng tính đến ngày 20/12/2017);

Căn cứ Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2019 đối với các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh (đợt 1); Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 17/02/2020

của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Mở rộng khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Tiến Thịnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 222/TTr-STNMT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Tiến Thịnh; địa chỉ: Số 29, Trường Thi, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $G_1 = G_{tn} \times K_{qd} = 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 103.250 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá spilit làm VLXD thông thường;

- $G_2 = G_{tn} \times K_{qd} = 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,0 = 2.100.000 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá khối để xẻ;

- $G_3 = G_{tn} \times K_{qd} = 49.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,290 = 63.210 \text{ đồng/m}^3$ đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình;

c) Trữ lượng tính tiền (phê duyệt tại Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh): $Q = Q_1 + Q_2 + Q_3 = 1.092.494 \text{ m}^3$, trong đó:

- Q_1 là trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 977.959 m^3 ; trong đó: $Q_{1,1}$ là trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Định = 521.615 m^3 , $Q_{1,2}$ là trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc = 456.344 m^3 ;

- Q_2 là trữ lượng đá khối để xẻ: 79.294 m^3 ; trong đó: $Q_{2,1}$ là trữ lượng đá khối để xẻ thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Định = 42.293 m^3 , $Q_{2,2}$ là trữ lượng đá khối để xẻ thuộc xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc = 37.001 m^3 ;

- Q_3 là trữ lượng đất làm vật liệu san lấp: 35.241 m^3 ; trong đó: $Q_{3,1}$ là trữ lượng đất làm vật liệu san lấp thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Định = 18.796 m^3 , $Q_{3,2}$ là trữ lượng đất làm vật liệu san lấp thuộc xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc = 16.445 m^3 .

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội:

- $K_{2.1} = 1,0$;

- $K_{2.2} = 0,9$;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R_1=R_3=3\%$ [đối với các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại (trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền)];

- $R_2= 1\%$ (đối với đá khối làm ốp lát các loại);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$T = T_1 - T_2$; trong đó:

$T_1 = (Q_{1.1} \times G_1 \times K_1 \times K_{2.1} \times R_1) + (Q_{1.2} \times G_1 \times K_1 \times K_{2.2} \times R_1) + (Q_{2.1} \times G_2 \times K_1 \times K_{2.1} \times R_2) + (Q_{2.2} \times G_2 \times K_1 \times K_{2.2} \times R_2) + (Q_{3.1} \times G_3 \times K_1 \times K_{2.1} \times R_3) + (Q_{3.2} \times G_3 \times K_1 \times K_{2.2} \times R_3) = (521.615 \text{ m}^3 \times 103.250 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) + (456.344 \text{ m}^3 \times 103.250 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 3\%) + (42.293 \text{ m}^3 \times 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 1,0 \%) + (37.001 \text{ m}^3 \times 2.100.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 1,0 \%) + (18.796 \text{ m}^3 \times 63.210 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) + (16.445 \text{ m}^3 \times 63.210 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 0,9 \times 3\%) = 4.085.150.752 \text{ đồng};$

$T_2 = 545.236.766 \text{ đồng}$ -là số tiền đơn vị đã nộp (khi thực hiện Quyết định số Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 24/8/2018; Quyết định số 598/QĐ-UBND ngày 13/02/2019);

Như vậy, tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị còn phải nộp là: $4.085.150.752 \text{ đồng} - 545.236.766 \text{ đồng} = 3.539.913.986 \text{ đồng}$ (Ba tỷ, năm trăm ba chín triệu, chín trăm mười ba nghìn, chín trăm tám sáu đồng).

g) Số năm khai thác (làm tròn) là: $X = 30$ năm;

h) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 15 lần;

i) Số tiền nộp lần đầu: $T_{ld} = T : (X:2) \times 30\%$.

$T_{ld} = 3.539.913.986 \text{ đồng} : (30:2) \times 30\% = 70.798.280 \text{ đồng}$; (Bảy mươi triệu, bảy trăm chín tám nghìn, hai trăm tám mươi đồng);

k) Số tiền nộp từ lần thứ 02 đến lần thứ 15:

$T_{hn} = (T - T_{ld}) : [(X:2) - 1]$

$T_{hn} = (3.539.913.986 \text{ đồng} - 70.798.280 \text{ đồng}) : [(30:2)-1] = 247.793.979 \text{ đồng}$; (Hai trăm bốn bảy triệu, bảy trăm chín ba nghìn, chín trăm bảy chín đồng);

l) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa và trước khi nhận Giấy phép khai thác;

- Từ lần thứ hai vào năm tiếp theo được chia làm 02 kỳ:

+ Kỳ thứ nhất: Thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31/5;

+ Kỳ thứ 2: Thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày 31/10.

m) Diện tích khu vực mở rộng mỏ: 24.000 m^2 , trong đó: Diện tích mỏ thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Định là $15.077,1 \text{ m}^2$ (chiếm 62,8%); Diện tích mỏ thuộc xã Cao Thịnh là $8.922,9 \text{ m}^2$ (chiếm 37,2%).

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò: Khu vực mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc do Công ty TNHH Tiến Thịnh tự bỏ kinh phí thăm dò trữ lượng. Do đó, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Tiến Thịnh về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Tiến Thịnh có trách nhiệm:

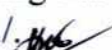
- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra;

3. UBND huyện Yên Định, UBND xã Yên Lâm, huyện Yên Định; UBND huyện Ngọc Lặc, UBND xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH Tiến Thịnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Yên Định; Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc; Chủ tịch UBND xã Yên Lâm, huyện Yên Định; Chủ tịch UBND xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc; Giám đốc Công ty TNHH Tiến Thịnh; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Lưu: VT, CN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-052

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 



Mai Xuân Liêm